

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 5 - 2026

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bế Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Duy Thanh và bà Trần Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 173/2025/TLST – HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc “*Ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2026/QĐST - HNGĐ ngày 28/4/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị H Ñê N, sinh năm 1991. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn A, xã C, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Anh Y Thừa Ê, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn K, xã C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 22/10/2025 nguyên đơn Chị H Ñê N trình bày:

Tôi và ông Y Thừa Ê đăng ký kết hôn ngày 15/01/2009 tại UBND xã C Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2021 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và trầm trọng, do tính cách không hợp, hay cãi vã, bất đồng quan điểm, chồng tôi hay rượu chè vào là đánh đập tôi, đồng thời chúng tôi đã ly thân được 04 năm nay. Hiện nay hai vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn.

* Về con chung: Tôi và anh Y T Êban có 02 con chung là cháu Y Duê N1, sinh ngày 03/02/2009 và cháu Y Gương N2, sinh ngày 14/5/2013, hiện nay các con

đang sống cùng với tôi và bà ngoại và do tôi nuôi ăn học, tôi đề nghị giao 02 con cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Y Thừa Ê được quyền thăm con chung, tôi sẽ không ngăn cản.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu cấp dưỡng.

* Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Y Thừa Ê quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tòa án triệu tập họp lệ nhưng anh Y Thừa Ê vắng mặt không có lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H Nê N, chị H Nê N được ly hôn với anh Y Thừa Ê.

+ Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Y Duê N1, sinh ngày 03/02/2009 và cháu Y Gương N2, sinh ngày 14/5/201 cho chị H Nê Nê trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi hai con đủ 18 tuổi.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tại thời điểm khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bị đơn có nơi cư trú tại xã C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn anh Y T Êban nhưng anh Y T Êban vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Y T Êban là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Chị H Nê N và anh Y T Êban tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/01/2009 tại UBND xã C, tỉnh Đắk Lắk theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Qua lời khai của chị H Nê Nê và biên bản xác minh tại địa ngày 20/3/2026 đều cho thấy trước đây chị H Nê N và anh Y T Êban sống với nhau tại buôn A, quá trình chung sống anh Y Thừa Ê và chị H Nê Nê thường bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng không sống với

nhau từ năm 2021. Trong thời gian đó hai bên không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, việc chị H Nê Niê xác định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với anh Y T Êban là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3.1] Về con chung: Chị H Nê N và anh Y Thừa Ê có hai con chung là cháu Y Duê N1, sinh ngày 03/02/2009 và cháu Y Gương N2, sinh ngày 14/5/2013. Qua lời khai của chị H Nê Niê và Biên bản xác minh tại địa phương ngày 20/3/2026, cho thấy hiện nay cả hai con đang ở chung với chị H Nê Niê tại buôn A, xã C và do chị H Nê N nuôi ăn học, còn anh Y Thừa Ê đi làm không về nhà. Nguyên Vọng của hai con là được sống chung với mẹ. Do đó, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H Nê N, giao hai con cho chị H Nê Niê trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi, còn anh Y T Êban được quyền đến thăm con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H Nê N không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3.2] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn chị H Nê Niê không yêu cầu nên tòa án không giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H Nê Niê.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H Nê N được ly hôn với anh Y Thừa Ê.

2. Về con chung: Giao cháu Y Duê N1, sinh ngày 03/02/2009 và cháu Y Gương N2, sinh ngày 14/5/2013 cho chị H Nê Niê trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Anh Y Thừa Ê có quyền đi lại thăm con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H Nê N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị H Nê N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002581 ngày 16/10/2026 tại Phòng THADS Khu vực 3 Đắk Lắk.

4. Về kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 3 Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 3;
- UBND xã Cuôr Đăng;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bế Văn Toàn